**CHỦ ĐỀ 1: CÁC SỐ ĐẾN 10**

**TUẦN 1 *Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết* **: TRÊN - DƯỚI, PHẢI – TRÁI, TRƯỚC – SAU, Ở GIỮA**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

*Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:*

- Xác định được các vị trí: trên, dưới, phải, trái, trước, sau, ở giữa trong tình huống cụ thế và có thế diễn đạt được bằng ngôn ngữ.

- Thực hành trải nghiệm sử dụng các từ ngữ: trên, dưới, phải, trái, trước, sau,ở giữa để mô tả vị trí các đối tượng cụ thể trong các tình huống thực tế.

* Bước đầu rèn luyện kĩ năng quan sát, phát triển các năng lực toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

* Tranh tình huống.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

***Mục tiêu****: HS làm quen với sgk và nắm được nội dung chương trình Toán 1.*

* GV giới thiệu: Học toán lớp 1, chúng ta sẽ được học số, học các phép tính, các hình đơn giản và thực hành lắp ghép, đo độ dài, xem đồng hồ, xem lịch HS làm quen với bộ đồ dùng để học toán.
* GV hướng dẫn HS các hoạt động cá nhân, nhóm, cặp, cách phát biểu,...
* HS xem tranh khởi động, chia sẻ theo nhóm bàn về những gì các em nhìn thấy.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***Mục tiêu****:* HS xác định được các vị trí: trên, dưới, phải, trái, trước, sau, ở giữa trong tình huống cụ thế và có thế diễn đạt được bằng ngôn ngữ.

* HS quan sát tranh trong khung kiến thức và trao đổi thảo luận theo nhóm bàn.
* HS sử dụng các từ: *trên, dưới, phải, trái, trước, sau, ở giữa* để nói về vị trí của các sự vật trong bức tranh theo cách quan sát và cách diễn đạt của các em.
Ví dụ: Bạn gái *đứng sau* cây, ...

GV chỉ vào từng bức tranh nhỏ trong khung kiến thức và nhấn mạnh các thuật ngữ: *trên, dưới, phải, trái, trước, sau, ở giữa.*

***Lưu ý:*** Để HS hứng thú, sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên, GV có thể kể chuyện hoặc tạo bối cảnh cho tình huống bức tranh. Vì quan hệ vị trí có tính tương đối nên khi mô tả vị trí của đồ vật, sự vật, cần xác định rõ vị trí của đối tượng nào so với đối tượng nào.

**Hoạt động 3: Thực hành, luyện tập**

***Mục tiêu****: HS thực hành trải nghiệm sử dụng các từ ngữ: trên, dưới, phải, trái, trước, sau,ở giữa để mô tả vị trí các đối tượng cụ thể trong các tình huống thực tế.*

**Bài 1.** HS quan sát tranh và trao đổi thảo luận theo nhóm bàn.

* HS sử dụng các từ: *trên, dưới, phải, trái, trước, sau, ở giữa* để nói về vị trí của các đồ vật trong bức tranh. Chẳng hạn: Hộp bút *ở trên* mặt bàn, ...

GV có thể đặt thêm các câu hỏi liên quan đến bức tranh:

+ Kể tên những vật ở dưới gầm bàn.

+ Kể tên những vật ở trên mặt bàn.

+ Trên bàn có vật nào ở bên tay trái bạn gái?

+ Trên bàn có vật nào ở bên tay phải bạn gái?

* GV có thể hướng dẫn để HS thao tác: Lấy bút chì, tẩy, hộp bút rồi đặt chúng sao cho bút chì ở giữa, hộp bút ở bên phải bút chì, tẩy ở bên trái bút chì,...

**Bài 2.** HS quan sát tranh và trao đổi thảo luận theo nhóm bàn.

* HS sử dụng các từ: *bên phải, bên trái* để nói chỉ dẫn cho bạn nhỏ trong bức tranh muốn đến trường học thì rẽ sang bên nào, muốn đến bưu điện thì rẽ sang bên nào.
* GV đặt câu hỏi giúp HS sử dụng các từ “phải, trái” để định hướng không gian. Ví dụ: Nếu muốn đi bộ về nhà, khi ra khỏi cổng trường em rẽ sang bên nào?

**Hoạt động 4: Vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn**

***Mục tiêu****: Bước đầu rèn luyện kĩ năng quan sát, phát triển các năng lực toán học.*

**Bài 3**

HS thực hiện lần lượt các động tác theo yêu cầu của bài toán dưới sự chỉ dẫn của GV.

HS trả lời câu hỏi: Phía trước, phía sau, bên trái, bên phải em là bạn nào?

***Lưu ý:*** GV có thế tổ chức thành trò chơi “Làm theo tôi nói, không làm theo tôi làm” cho HS hoạt động. Chẳng hạn: GV (hoặc chủ trò) giơ tay *phải* nhưng hô thành: “Các em hãy giơ tay *trái.”, HS* giơ tay *trái* theo lời GV (hoặc chủ trò) nói,ai làm sai thì bị phạt.

**\* HS nhận nhiệm vụ tự học ở nhà:**

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?

* Khi tham gia giao thông em đi đường bên nào?
* Khi lên xuống cầu thang em đi bên nào?
* Sự khác nhau của hai biển báo giao thông này là gì?



- Có rất nhiều quy tắc trong cuộc sống được xây dựng liên quan đến “phải - trái”, khi mọi người làm việc theo các quy tắc thì cuộc sống trở nên có trật tự. về nhà, các em tìm hiểu thêm những quy định liên quan đến “phải - trái”.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc quan sát tranh và sử dụng các từ: *trên, dưới, phải, trái, trước, sau, ở giữa* để nói về vị trí của các sự vật trong bức tranh; thảo luận, đặt câu hỏi cho nhau về vị trí của những đồ vật, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc thao tác: lấy bút chì, tẩy, hộp bút rồi đặt chúng sao cho bút chì ở giữa, hộp bút ở bên phải bút chì, tẩy ở bên trái bút chì,...; liên hệ những quy tắc trong cuộc sông liên quan đến “phải - trái”,..., HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học.

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết* **: HÌNH VUÔNG - HÌNH TRÒN**

 **HÌNH TAM GIÁC - HÌNH CHỮ NHẬT**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Nhận biết được hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. Gọi đúng tên các hình đó.
* Nhận ra hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật từ các vật thật.
* Ghép được các hình đã biết thành hình mới.
* Phát triển các NL toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

Các thẻ hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật có kích thước, màu sắc khác nhau.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

***Mục tiêu:*** *Làm quen với các đồ vật có hình dạng trong bài học hôm nay.*

HS xem tranh khởi động chia sẻ theo cặp đôi về hình dạng của những đồ vật trong bức tranh. Chẳng hạn: mặt đồng hồ có dạng hình tròn, lá cờ có dạng hình tam giác.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***Mục tiêu:*** *Nhận biết được hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. Gọi đúng tên các hình đó.*

1. GV yêu cầu HS thực hiện các hoạt động sau:
* HS lấy ra một nhóm các đồ vật có hình dạng và màu sắc khác nhau: hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.
* GV hướng dần HS quan sát lần lượt từng tấm bìa hình vuông (có màu sắc,kích thước khác nhau) và nói: “Hình vuông”.
* HS lấy ra một số hình vuông khác có trong bộ đồ dùng, nói: “Hình vuông”.
* Thực hiện tương tự với hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.
1. HS thảo luận nhóm: Kể tên các đồ vật trong thực tế có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. Sau đó, các nhóm chia sẻ trước lớp.

**Hoạt động 3: Thực hành, luyện tập**

***Mục tiêu:*** *Nhận ra hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật từ các vật thật.* *Ghép được các hình đã biết thành hình mới.*

**Bài 1**. HS thực hiện theo cặp:

* HS xem hình vẽ và nói cho bạn nghe đồ vật nào có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.
* GV hướng dẫn HS cách nói đủ câu, cách nói cho bạn nghe và lắng nghe bạn nói.

**Bài 2.** HS thực hiện theo cặp:

* HS quan sát hình vẽ, chỉ vào hình vẽ và nói: hình tam giác có màu vàng, hình vuông có màu xanh, hình tròn và hình chữ nhật có màu đỏ, ...
* GV khuyến khích HS diễn đạt bằng ngôn ngữ của các em; rèn cho HS cách đặtcâu hỏi, cách trả lời, cách quan sát và phân loại hình theo màu sắc, theo hình dạng.

**Bài 3.** HS thực hiện theo nhóm:

* Các nhóm HS suy nghĩ, sử dụng các hình vuông, hình tròn, hình tam giác,hình chữ nhật đế ghép thành các hình như gợi ý hoặc các hình theo ý thích.
* HS chia sẻ với bạn hình mới ghép được và ý tưởng ghép hình của mình. GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn.

**Hoạt động 4: Vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn**

***Mục tiêu:*** *Vận dụng kiến thức đã học chỉ ra các đồ vật có hình dạng vừa học có trong lớp học và xung quanh.*

**Bài 4.** HS quan sát xung quanh lớp học, chỉ ra các đồ vật có dạng hình vuông,hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.

**\* Học sinh nhận nhiệm vụ tự học:**

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc quan sát, nhận dạng và phân loại hình, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc lắp ghép tạo hình mới từ các hình đã học, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

Thông qua việc trình bày ý tưởng, đặt câu hỏi và trả lời về các hình đã học, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết* **: CÁC SỐ 1, 2, 3**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 3. Thông qua đó, HS nhận
biết được số lượng, hình thành biểu tượng về các số 1, 2, 3.
* Đọc, viết được các số 1, 2, 3.
* Lập được các nhóm đồ vật có số lượng 1, 2, 3.
* Phát triển các NL toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

Tranh tình huống.

* Một số chấm tròn; thẻ số 1, 2, 3.
* Một số đồ vật quen thuộc với HS: 1 bút chì, 3 que tính, 2 quyển vở, ...

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

***Mục tiêu:***

HS *quan sát* tranh khởi động, nói cho bạn nghe những gì mình quan sát được.

HS chia sẻ trong nhóm học tập (hoặc cặp đôi).

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***Mục tiêu:*** *Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 3. Thông qua đó, HS nhận
biết được số lượng, hình thành biểu tượng về các số 1, 2, 3.* *Đọc, viết được các số 1, 2, 3.*

1. **Hình thành các số 1, 2, 3**
2. HS *quan sát* khung kiến thức:
* HS *đếm số* con vật và số chấm tròn tương ứng.
* HS *nói,* chẳng hạn: “Có 1 con mèo. Có 1 chấm tròn.Số 1”.

Tương tự với các số 2, 3.

1. HS tự *lấy ra* các đồ vật (chấm tròn hoặc que tính, ...) rồi đếm (1, 2, 3 đồ vật).
* HS giơ ngón tay hoặc lấy ra các chấm tròn đúng số lượng GV yêu cầu.
* HS lấy đúng thẻ số phù hợp với tiếng vồ tay của GV (ví dụ: GV vỗ tay 3 cái,HS lấy thẻ số 3).
1. **Viết các số 1, 2, 3**
* HS nghe GV hướng dẫn cách viết số 1 rồi thực hành viết số 1 vào bảng con.
* Tương tự với các số 2, 3.

***Lưu ý:*** GV nên đưa ra một số trường hợp viết sai, viết ngược để nhắc nhở HS tránh những lỗi sai đó.

**Hoạt động 3: Thực hành, luyện tập**

***Mục tiêu:*** *Lập được các nhóm đồ vật có số lượng 1, 2, 3.*

**Bài 1.** HS thực hiện các thao tác:

* Đếm số lượng các con vật, đọc số tương ứng.
* Trao đổi, nói với bạn về số lượng các con vật vừa đếm được. Chẳng hạn: HS chỉ vào hai con mèo rồi nói: “Có 2 con mèo”; đặt thẻ số 2.

**Bài 2.** HS thực hiện các thao tác:

* Quan sát hình vẽ bên trái có 1 chấm tròn và ở dưới ghi số 1.
* Đọc số ghi dưới mỗi hình, xác định số lượng chấm tròn cần lấy cho phù hợp.
* Lấy số chấm tròn cho đủ số lượng, đếm để kiểm tra lại.
* Chia sẻ sản phẩm với bạn, nói cho bạn nghe kết quả.

**Bài3**

* HS đếm các khối lập phương, rồi đọc số tương ứng.
* HS đếm tiếp từ 1 đến 3 và tập đếm lùi từ 3 đến 1.

**Hoạt động 4: Vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn**

***Mục tiêu:*** *Vận dụng kiến thức đã học vào việc đếm và nói số lượng đồ vật xung quanh từ 1 đến 3.*

* Mỗi HS quan sát tranh, suy nghĩ, nói cho bạn nghe số lượng đồ vật theo mỗi tình huống yêu cầu. Chia sẻ trước lớp. GV lưu ý hướng dẫn HS cách đếm và dùng mẫu câu khi nói. Chẳng hạn: *Có 3 quyển vở.*
* GV khuyến khích HS đếm các đồ dùng học tập trên bàn của mình, đặt câu hỏi và trả lời theo cặp. Chẳng hạn: Trên bàn có mấy quyển vở?

\* **Học sinh nhận nhiệm vụ tự học ở nhà:**

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua các hoạt động: quan sát tranh, đếm số lượng, nêu số tương ứng; đọc sổ, xác định số lượng hình cần lấy, HS có cơ hội được phát triển một số NL: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn về số lượng đồ vật, sự vật trong từng tình huống, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học.

LƯU Ý

Đây là bài đầu tiên trong chuỗi bài về các số trong phạm vi **10**. Vì vậy, bên cạnh các nội dung kiến thức, GV cần chú ý rèn cho HS các kĩ năng học tập môn Toán như: làm việc nhóm đôi, quan sát tranh khởi động thảo luận với bạn, cách đếm số lượng của sự vật trong tranh. GV cũng cần chú ý khai thác những kinh nghiệm, trải nghiệm về số lượng mà HS đã biết khi học ở Mẫu giáo và trong cuộc sống.

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

***Tuần 2: Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết* **: CÁC SỐ 4, 5, 6**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 6. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về các số 4, 5, 6.

- Đọc, viết được các số 4, 5, 6.

 - Lập được các nhóm đồ vật có số lượng 4, 5, 6.

- Phát triển các NL toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

 - Tranh tình huống.

 - Một số chấm tròn, hình vuông; các thẻ số từ 1 đến 6, ...

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

HS *quan sát* tranh khởi động, nói cho bạn nghe những gì mình quan sát được.

HS chia sẻ trong nhóm học tập (hoặc cặp đôi).

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***Mục tiêu:*** *Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 6. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về các số 4, 5, 6. Đọc, viết được các số 4, 5, 6.*

1. Hình thành các số 4, 5, 6
2. HS *quan sát* khung kiến thức:
* HS *đếm* số bông hoa và số chấm tròn.
* *HS nói*, chẳng hạn: “Có 4 bông hoa. Có 4 chấm tròn, số 4”.

Tương tự với các số 5, 6.

1. HS tự *lấy ra* các đồ vật (chấm tròn hoặc que tính, ...) rồi *đếm* (4, 5, 6 đồ vật).
* HS giơ ngón tay hoặc lấy ra các chấm tròn đúng số lượng GV yêu cầu.
* HS lấy đúng thẻ số phù họp với tiếng vồ tay của GV (ví dụ: GV vồ tay 4 cái,
HS lấy thẻ số 4).
1. Viết các số 4, 5, 6
* HS nghe GV hướng dẫn cách viết số 4 rồi thực hành viết số 4 vào bảng con.
* Tương tự với các số 5, 6.

***Lư****u* ***ý:*** GV nên đưa ra một số trường hợp viết sai, viết ngược để nhắc HS tránh những lỗi sai đó.

**Hoạt động 3: Thực hành, luyện tập**

***Mục tiêu:*** *Lập được các nhóm đồ vật có số lượng 4, 5, 6.*

**Bài 1.** HS thực hiện các thao tác:

* Đếm số lượng mỗi loại quả, đọc số tương ứng.

Trao đổi, nói với bạn về số lượng mỗi loại quả vừa đếm được. Chẳng hạn: Chỉ

* vào 6 củ cà rốt, nói: “Có 6 củ cà rốt”; đặt thẻ số 6.

***Lưu*** ý: GV tạo cơ hội cho HS nói vê cách các em nhận biết số lượng, cách đếm,

cách đọc kết quả sau khi đếm.
**Bài 2.** HS thực hiện các thao tác:

Quan sát hình vẽ, đếm số hình vuông có trong mẫu.

* Đọc số ghi dưới mỗi hình, lấy ra hình vuông cho đủ số lượng.
* Chia sẻ sản phẩm với bạn, nói cho bạn nghe cách làm và kết quả.

***Lưu ý:*** Khi chữa bài GV nên đặt câu hỏi đề HS nói cách nghĩ, cách làm bài.

**Bài 3.** HS thực hiện theo cặp:

Đếm các số theo thứ tự từ 1 đến 6, rồi đọc số còn thiếu trong các bông hoa.

Đếm tiếp từ 1 đến 6, đếm lùi tù’ 6 về 1.

Đếm tiếp, đếm lùi từ một số nào đó. Chẳng hạn đếm tiếp từ 3 đến 6.

Lưu ý: GV có thể cho HS xếp các thẻ số từ 1 đến 6 theo thứ tự rồi đếm tiếp từ1 đến 6, đếm lùi từ 6 đến 1.

**Hoạt động 4: Vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn**

***Mục tiêu:*** *Vận dụng kiến thức đã học vào việc đếm và nói số lượng đồ vật xung quanh từ 4 đến 6.*

[**Bài 4**](#bookmark=id.23ckvvd)

* Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và nói cho bạn nghe số lượng đồ vật theomỗi tình huống yêu cầu. Chia sẻ kết quả trước lớp. GV lưu ý hướng dẫn HS cách đếm và dùng mầu câu khi nói. Chẳng hạn: Có 5 chiếc cốc.
* GV khuyến khích HS quan sát tranh, đặt câu hỏi và trả lời theo cặp về số lượng của những đồ vật khác có trong tranh. Chẳng hạn hỏi: Có mẩy chiếc tủ lạnh?
Trả lời: Có 1 chiếc tủ lạnh.

**\* Học sinh nhận nhiệm vụ ở nhà:**

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?
* Lấy ví dụ sử dụng các số đã học để nói về số lượng đồ vật, sự vật xung quanh em từ 4 đến 6.
* Về nhà, em hãy tìm thêm các ví dụ sử dụng các sổ đã học trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua các hoạt động: quan sát tranh, đếm số lượng, nêu số tương ứng;đọc số, lấy số hình phù hợp, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

Thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn về số lượng đồ vật, sự vật trong từng tình huống và sử dụng từ ngữ toán học để diễn đạt cách làm của mình, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học.

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết 5***: CÁC SỐ 7, 8, 9**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 9. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về các số 7, 8, 9.
* Đọc, viết được các số 7, 8, 9.
* Lập được các nhóm đồ vật có số lượng 7, 8, 9.
* Phát triển các NL toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

* Tranh tình huống.
* Một số que tính, chấm tròn, hình tam giác; thẻ số từ 1 đến 9, ...

**III TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

HS *quan sát* tranh khởi động, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì. Chia sẻ trong nhóm học tập (hoặc cặp đôi).

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***Mục tiêu:*** *Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 9. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về các số 7, 8, 9. Đọc, viết được các số 7, 8, 9.*

1. **Hình thành các số 7, 8, 9**
2. HS *quan sát* khung kiến thức:
* HS *đếm* số chiếc trống và sổ chấm tròn.
* HS *nói,* chẳng hạn: “Có 7 chiếc trống. Có 7 chấm tròn, số 7”.

Tương tự với các số 8, 9.

1. HS tự *lấy ra* các đồ vật (chấm tròn hoặc que tính, ...) rồi *đếm* (7, 8, 9 đồ vật).
* HS giơ ngón tay hoặc lấy ra các đồ vật đúng số lượng GV yêu cầu.
* HS lấy đúng thẻ số phù họp với số lần vồ tay của GV (ví dụ: GV vỗ tay 8 lần,HS lấy thẻ số 8).
1. **Viết các số 7, 8, 9**
* HS nghe GV hướng dẫn cách viết số 7 rồi thực hành viết số 7 vào bảng con.
* Tương tự với các số 8, 9.

***Lưu ỷ:*** GV nên đưa ra một số trường hợp viết số sai, ngược đê nhắc HS tránh những lồi sai đó.

**Hoạt động 3: Thực hành, luyện tập**

***Mục tiêu:*** *Lập được các nhóm đồ vật có số lượng 7, 8, 9.*

**Bài 1.** HS thực hiện các thao tác:

* Đếm số lượng mỗi loại đồ vật rồi đọc số tương ứng.
* Trao đổi, nói với bạn về số lượng mỗi loại đồ vật vừa đếm được. Chẳng hạn:
Chỉ vào 8 con gấu, nói: “Có 8 con gấu”; đặt thẻ số 8.

***Lưu ý:*** GV đặt câu hỏi để tìm hiếu cách HS đếm. Chú ý rèn cho HS cách đếm, chỉ vào từng đối tượng cần đếm tránh đếm lặp, khi nói kết quả đếm có thể làm động tác khoanh vào tất cả đối tượng cần đếm, nói: Có *tất cả* 8 *con gấu.*

**Bài 2.** HS thực hiện các thao tác:

Quan sát mẫu, đếm số hình tam giác có trong mẫu.

* Đọc số ghi dưới mỗi hình.
* Lấy ra các hình tam giác cho đủ số lượng, đếm để kiểm tra lại.
* Chia sẻ sản phẩm với bạn, nói cho bạn nghe cách làm và kết quả.

Lưu ý: GV có thể tổ chức theo nhóm, theo cặp hoặc tổ chức thành trò chơi. GV cũng có thể thay đổi vật liệu và số lượng để hoạt động phong phú hơn. Chẳng hạn:

Lấy cho đủ 8 hình vuông hoặc vẽ cho đủ 9 chấm tròn, ...

**Bài 3.** HS thực hiện các thao tác:

* Đếm các số theo thứ tự từ 1 đến 9, rồi đọc số còn thiếu trong các ô.
* Đếm tiếp từ 1 đến 9, đếm lùi từ 9 đến 1.
* Đếm tiếp, đếm lùi từ một số nào đó. Chẳng hạn đếm tiếp từ 7 đến 9.

Lưu ý: GV có thể cho HS xếp các thẻ số từ 1 đến 9 theo thứ tự rồi đếm tiếp từ 1 đến 9, đếm lùi từ 9 đến 1.

**Hoạt động 4: Vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn**

***Mục tiêu:*** *Vận dụng kiến thức đã học vào việc đếm và nói số lượng đồ vật xung quanh từ 7 đến 9.*

**Bài 4**

* Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và nói cho bạn nghe số lượng đồ vật theo mỗi tình huống yêu cầu. Chia sẻ kết quả trước lớp. GV lưu ý hướng dẫn HS cách đếm và dùng mẫu câu khi nói. Chẳng hạn:có 8 hộp quà.
* GV khuyến khích HS quan sát tranh, đặt câu hỏi và trả lời theo cặp về số lượng của những đồ vật khác có trong tranh. Chẳng hạn hỏi: Có mấy quả bóng? Trả lời: Có 9 quả bóng.

**\* Học sinh nhận nhiệm vụ tự học ở nhà:**

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?
* Lấy ví dụ sử dụng các số đã học nói về sổ lượng đồ vật, sự vật xung quanh em.
* Về nhà, em hãy tìm thêm các ví dụ sử dụng các số từ 7 đến 9 đã học trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua các hoạt động: quan sát tranh, đếm số lượng, nêu số tương ứng;đọc số, lấy số hình cho phù hợp, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đối chia sẻ với bạn về cách đếm, cách lấy cho đủ số lượng, HS có cơ hội được phát triền NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học

LƯUÝ CHO GIÁO VIÊN

* Khi đếm số người hoặc những đồ vật có nhiều hơn 3, GV nên tạo cơ hội cho HS nói về cách nhận biết số lượng, đếm trước lớp để cả lớp có thể đánh giá cách đếm có đúng không.
* Chú ý dạy HS cách đếm, đếm tiếp, đếm lùi, đếm từ một số bất kì.

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết* **: SỐ 0**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Bước đầu hiểu ý nghĩa của số 0.
* Đọc, viết số 0.
* Nhận biết vị trí số 0 trong dãy các số từ 0 đến 9.
* Phát triển các NL toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

* Tranh tình huống.
* Các thẻ số từ0 đến 9.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

* HS *quan sát* tranh khởi động, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì.
* HS *đếm số cá trong xô của mỗi bạn mèo trong bức tranh* và *nói.* Chẳng hạn:
“Bạn mèo thứ nhất có 3 con cá, bạn mèo thứ hai có 2 con cá, bạn mèo thứ ba có 1 con cá, bạn mèo thứ tư B.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***Mục tiêu:*** *Bước đầu hiểu ý nghĩa của số 0. Đọc, viết số 0.*

1. **Hình thành số 0**
2. HS *quan sát* khung kiến thức:
* HS *đếm* số cá trong mỗi xô và đọc số tương ứng.
* HS *nói.* Chẳng hạn: “Xô màu xanh nước biển có 3 con cá. Ta có số 3”.

“Xô màu hồng có 2 con cá. Ta có số 2”.

“Xô màu xanh lá cây có 1 con cá. Ta có số 1”.

“Xô màu cam không con cá nào. Ta có số 0”.

HS lấy các thẻ số tương ứng với số cá của mỗi bạn mèo.

* HS quan sát thêm một số tình huống xuất hiện số 0:Ví dụ: Quan sát tranh hai đĩa táo. Trả lời câu hỏi: Mỗi đĩa có mấy quả táo?
HS đếm số quả táo trên các đĩa, nói: “Đĩa thứ nhất có 3 quả táo. Ta có số 3; Đĩa thứ hai *không cỏ* quả táo nào. Ta có số 0”.
1. Tương tự với một chiếc lọ có 5 chiếc kẹo, một chiếc lọ không có chiếc kẹo nào.Chơi trò chơi “Tập tầm vông, tay không tay có”.*Cách chơi:* Chủ trò (GV) dùng một vật nhỏ lén bỏ vào lòng một bàn tay rồi nắm lại và quay hai tay tròn trước ngực. Chủ trò vừa quay vừa đọc: “Tập tầm vông, tay không, tay có. Tập tầm vó, tay có tay không. Tay nào có, tay nào không? Tay nào không, tay nào có?”. Hết câu ai đoán đúng sẽ được thưởng.
2. **Viết số 0**
* HS nghe GV hướng dẫn cách viết số0.
* HS thực hành viết số 0 vào bảng con.

**Hoạt động 3: Thực hành, luyện tập**

***Mục tiêu:*** *Nhận biết vị trí số 0 trong dãy các số từ 0 đến 9.*

**Bài 1.** HS thực hiện các thao tác:

1. Đếm xem mỗi rổ có mấy con rồi đặt các thẻ số tương ứng vào mỗi rổ đó.
2. Đếm xem mỗi hộp có mấy chiếc bút rồi đặt các thẻ số tương ứng vào mỗi hộp đó.
Chia sẻ, nói kết quả với bạn cùng bàn.

**Bài 2**

* HS đếm tiếp các số theo thứ tự từ 0 đến 9, rồi đọc số còn thiếu trong các ô.
* HS đếm lùi các số theo thứ tự từ 9 về 0, rồi đọc số còn thiếu trong các ô.
* HS đếm tiếp, đếm lùi từ một số nào đó. Chẳng hạn: đếm tiếp từ 5 đến 9.

***Lưu ý***: GV có thể cho HS xếp các thẻ số từ 0 đến 9 theo thứ tự rồi đếm tiếp từ 0 đến 9, đếm lùi từ 9 về 0.

**Hoạt động 4: Vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn**

***Mục tiêu:*** *Vận dụng kiến hức đã học vào cuộc sống xung quanh*

**Bài 3.** HS thực hiện các thao tác sau theo nhóm hoặc theo cặp:

* Tìm số 0 ở các đồ vật trong bài 3. Kể tên những đồ vật, sự vật có số 0 mà em biết xung quanh mình. Chẳng hạn: số 0 trên quạt điện, số 0 trên máy tính, số 0 trong bộ đồ dùng học toán của em, ...
* Thảo luận: Người ta dùng số 0 trong các tình huống trên có ý nghĩa gì?

**\* Học sinh nhận nhiệm vụ tự học ở nhà:**

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?
* Số 0 giống hình gì?
* Về nhà, em hãy tìm thêm các ví dụ có số 0 trong cuộc sống để hôm sau chia
sẻ với các bạn.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua các hoạt động: quan sát tranh, đếm số lượng, nhận biết số 0 trong các tình huống thực tiễn, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc sử dụng số 0 để biểu thị số lượng, trao đối chia sẻ với bạn các ví dụ về số 0 trong thực tiễn, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học.

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

***Tuần 3: Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết* **: SỐ 1O**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 10. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về số 10.

* Đọc, viết được số 10.
* Lập được các nhóm có đến 10 đồ vật.
* Nhận biết vị trí số 10 trong dãy các số từ 0 đến 10.
* Phát triển các NL toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

* Tranh tình huống.
* Một số chấm tròn, que tính, hình vuông, hình tam giác.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

* HS quan sát tranh khởi động, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì.
* HS đếm số quả mỗi loại có trong cửa hàng và nói. Chẳng hạn: “Có 5 quả xoài”, “Có 6 quả cam”,...

Chia sẻ trong nhóm học tập (hoặc cặp đôi).

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***Mục tiêu:*** *Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 10. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về số 10. Đọc, viết được số 10.*

1. **Hình thành số 10**
2. HS quan sát khung kiến thức:
* HS đếm số quả táo và số chấm tròn.
* HS nói: “Có 10 quả táo. Có 10 chấm tròn, số 10”.
1. HS lấy thẻ số trong bộ đồ dùng học toán gài số 10 lên thanh gài.
2. HS tự lấy ra 10 đồ vật (chấm tròn hoặc que tính, ...) rồi đếm.
3. **Viết số 10**
* HS nghe GV giới thiệu số 10, GV hướng dẫn cách viết số 10.
* HS thực hành viết số 10 vào bảng con.

**Hoạt động 3: Thực hành, luyện tập**

***Mục tiêu:*** *Lập được các nhóm có đến 10 đồ vật. Nhận biết vị trí số 10 trong dãy các số từ 0 đến 10.*

**Bài 1.** HS thực hiện các thao tác:

a) Đếm số lượng mỗi loại quả, đọc số tương ứng.

b) Trao đổi, nói với bạn về số lượng mỗi loại quả đếm được. Chẳng hạn: Chỉvào hình vẽ bên phải nói: Có mười quả xoài, chọn số10.

**Lưu ý**: GV chủ ý rèn cho HS cách đếm, chỉ vào từng đối tượng cần đếm đểtránh đếm lặp, khi nói kết quả đếm có thể làm động tác khoanh vào tất cả đối tượngcần đếm, nói: Có tất cả 10 quả xoài.

**Bài 2.** HS thực hiện các thao tác:

* Quan sát hình vẽ, đếm số hình vuông có trong mẫu.
* Đọc số ghi dưới mỗi hình.
* Lấy hình cho đủ số lượng, đếm để kiểm tra lại.
* Chia sẻ sản phẩm với bạn, nói cho bạn nghe cách làm và kết quả.

**Lưu ý:** GV có thể tổ chức theo nhóm, theo cặp hoặc tổ chức thành trò chơi. GVcũng có thể thay đổi vật liệu và số lượng để hoạt động phong phú hơn. Chẳng hạn:
Lấy cho đủ 10 hình tam giác hoặc vẽ cho đủ 10 hình tròn, ...

**Bài 3**

* HS đếm tiếp các số theo thứ tự từ 0 đến 10, rồi đọc số còn thiếu trong các ô.
* HS đếm lùi các số theo thứ tự từ 10 về 0, rồi đọc số còn thiếu trong các ô.
* Đếm tiếp từ 0 đến 10 và đếm lùi từ 10 về 0.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

***Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học dếm các vật trong cuộc sống xung quanh đến 10.***

**Bài 4.** HS thực hiện đếm và chỉ ra đủ 10 bông hoa mỗi loại.

***Lưu ý:***

* GV có thể tổ chức thành trò chơi: tô màu vào 10 bông hoa, khoanh vào 10 chữ cái hoặc lấy cho đủ 10 que tính.
* Lấy ví dụ số 10 để nói về số lượng đồ vật, sự vật xung quanh em. Chẳng hạn:
Có 10 ngón tay, có 10 ngón chân; Trong hộp có 10 chiếc bút, ...

**\* Học sinh nhận nhiệm vụ tự học ở nhà:**

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?

Về nhà, em hãy tìm thêm các ví dụ sử dụng các số đã học trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn.

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết* **: LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Nhận biết được số lượng trong phạm vi 10; biết đọc, viết, các số trong phạm vi10, thứ tự vị trí của mỗii số trong dãy số từ 0 đến 10.
* Lập được các nhóm có đến 10 đồ vật.
* Nhận dạng và gọi đúng tên hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.
* Phát triển các NL toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

Tranh minh họa.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

***Mục tiêu:*** *Ôn tập các số từ 0 đến 10*

Chơi trò chơi “Tôi cần, tôi cần”: Với mỗi lượt chơi, chủ trò nêu yêu cầu, chẳnghạn: “Tôi cần 5 cái bút”. Nhóm nào lấy đủ 5 chiếc bút nhanh nhất được 2 điểm.
Nhóm được 10 điểm trước sẽ thắng cuộc.

**Hoạt động 2: Thực hành, luyện tập**

***Mục tiêu:*** *Nhận biết được số lượng trong phạm vi 10; biết đọc, viết, các số trong phạm vi10, thứ tự vị trí của mỗi số trong dãy số từ 0 đến 10. Lập được các nhóm có đến 10 đồ vật. Nhận dạng và gọi đúng tên hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.*

**Bài 1.** HS thực hiện các thao tác:

* Đếm và nói cho bạn nghe về số bông hoa vừa đếm được, chẳng hạn: Chỉ vàochậu hoa màu hồng, nói: “Có mười bông hoa”; đặt thẻ số 10.

**Bài 2.** HS thực hiện theo nhóm hoặc theo cặp:

* Một HS viết số ra nháp hoặc ra bảng con, yêu cầu nhóm hoặc cặp lấy ra số hình tương ứng với số bạn vừa viết. Chẳng hạn: Bạn A: Viết số 4. Bạn B: Lấy tương ứng 4 hình tam giác (hoặc hình vuông, hình tròn, hình chữ nhật). Hai bạn cùng đọckết quả: Có 4 hình tam giác, số 4.
* Đổi vai cùng thực hiện.

**Bài 3.**

- HS đếm để tìm số còn thiếu trong mỗi ô trống, chẳng hạn:
+ Đếm 3, 4, 5.

+ Gắn thẻ số 4 vào ô ?

- Đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách tìm số còn thiếu.

**Hoạt động 3: Vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn**

***Mục tiêu:*** *Vận dụng kiến thức vào cuộc sống để tìm tên con vật có số chân theo số 0, 2,4, 6, 8 và tìm đồ vật có hình dạng tương ứng.*

**Bài 4.** HS quan sát hình vẽ các con vật, đếm số chân của mỗi con vật.

GV có thế tố chức thành trò chơi “Đố bạn”: Con gì có 2 chân? Con gì có 4 chân?
Con gì có 6 chân? Con gì có 8 chân? Con gì có 0 chân? (không có chân).

**Bài 5.** HS quan sát dãy các hình, tìm hình còn thiếu rồi chia sẻ với bạn cách làm.

***Lưu ý:*** GV có thể cho HS dùng các hình trong bộ đồ dùng học Toán 1 đế xếpthành chuỗi các hình theo quy luật trên. GV khuyến khích HS xếp tiếp các hình theoquy luật đó.

**\* Học sinh nhận nhiệm vụ tự học:**

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Từ ngữ toán học nào em cấn chú ý?

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực chơ học sinh**

* Thông qua các hoạt động: đếm số lượng nêu số tương ứng hoặc với mỗi số lấy tương ứng số lượng đồ vật, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

- Thông qua việc tìm quy luật xếp hình đơn giản, liên hệ thực tế tìm những con vật có 2 chân, 4 chân,... HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học.

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết* **: NHIỀU HƠN - ÍT HƠN – BẰNG NHAU**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Biết so sánh số lượng của hai nhóm đồ vật.
* Biết sử dụng các từ: *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau* khi so sánh về số lượng.
* Phát triển các NL toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

* Các thẻ bìa: 7 cái cốc, 6 cái đĩa, 5 cái thìa, 6 cái bát; thẻ đúng, thẻ sai.
* Một số tình huống đơn giản liên quan đến: *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau.*

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

* HS xem tranh, chia sẻ theo cặp đôi những gì các em quan sát được từ bức tranh. Chẳng hạn: Bức tranh vẽ 6 bạn gấu đang ngồi ở bàn ăn, trên bàn có 6 cái bát,có 7 cái cốc, ...
* HS nhận xét về số bạn gấu so với số bát, số cốc hay số thìa có trên bàn.

***Lưu ý:*** GV khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em.HS có thể đưa ra những nhận xét trực giác như: số cốc nhiều hơn số gấu, số thìa íthơn số bát, ... GV dẫn dắt: Nhưng làm thế nào để biết được điều đó, chúng ta tìmhiếu bài hôm nay.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***Mục tiêu:*** *Biết so sánh số lượng của hai nhóm đồ vật.*

**1.** GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau:

* Quan sát hình vẽ, rồi nói:

+ Có một số bát (GV gắn các thẻ bát lên bảng, HS đặt các thẻ bát trước mặt).
+ Có một số chiếc cốc (GV gắn các thẻ cốc lên bảng, HS đặt các thẻ cốc trước mặt).

* HS trao đổi theo cặp, nói cho nhau nghe số bát nhiều hơn hay số cốc nhiều hơn.
* Nghe GV hướng dẫn cách xác định số cốc nhiều hơn (GV vẽ đường nối tươngứng thẻ bát và cốc, HS làm tương tự).



* GV nhận xét: Thừa ra một chiếc cốc. Vậy: số cốc *nhiều hơn* số bát; số bát*ít hơn* số cốc.
* HS nhắc lại: số cốc *nhiều hơn* số bát; số bát *ít hơn* số cốc.
* HS thực hiện tương tự với số bát và số thìa, số bát và số đĩa. Qua đó rút ra
nhận xét:

+ Số thìa *ít hơn* số bát; số bát *nhiều hơn* số thìa.

+ Số bát *bằng* số đĩa; số đĩa và số bát *bằng nhau.*

**2**. Tương tự như trên, HS thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm với các bát và thìa. Đặt tương ứng mỗi bát với một thìa, rút ra nhận xét: số bát *nhiều hơn* số thìa hay số thìa *ít hơn* số bát.

**Hoạt động 3: Thực hành, luyện tập**

***Mục tiêu:*** *Biết sử dụng các từ: nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau khi so sánh về số lượng.*

**Bài 1**

* Cá nhân HS làm bài 1: Quan sát tranh, sử dụng các từ: *nhiều hơn, ít hơn,bằng nhau* để nói về bức tranh. Chắng hạn: Số cốc *ít hơn* số thìa; số thìa và số đĩa *bằng nhau, ...*
* HS đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau nghe nhận xét về số cốc, số thìa, số đĩa trong bức tranh rồi chia sẻ kết quả trước lóp.

**Bài 2.** Cá nhân HS tự làm bài 2: Quan sát tranh, nói và chỉ vào cây có nhiều quả hơn.

GV khuyến khích HS nói, diễn đạt cách các em xác định cây bên nào có nhiều quả hơn.

**Hoạt động 4: Vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn**

***Mục tiêu:*** *Vận dụng kiến thức đã học so sánh số lượng các đồ vật xung quanh*

**Bài 3**

* Cá nhân HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?
* GV đọc từng câu hỏi, HS giơ thẻ đúng hoặc thẻ sai.
* HS giải thích tại sao lại chọn đúng hoặc chọn sai.
* GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. Khuyến khích HS quan sát tranh đặt các câu hỏi liên quan đến bức tranh sử dụng các từ: *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau* rồi mời bạn khác trả lời.

**\* Học sinh nhận nhiệm vụ tự học**

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?
* Về nhà, em hãy tìm tinh huống thực tế liên quan đến so sánh số lượng sừ dụngcác từ *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau* để hôm sau chia sẻ với các bạn.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc đặt tương ứng 1 - 1 để so sánh số lượng của hai nhóm đốitượng, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL tư duy và lậpluận toán học.
* Thông qua việc quan sát tranh tinh huống, trao đổi, nhận xét, chia sẻ ý kiến,sử dụng các từ ngừ *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau* để mô tả, diễn đạt so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

LƯU Ý

* Nếu còn thời gian, GV có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”.

*Cách chơi:* Chọn một số bạn, một số ghế (số người nhiều hơn số ghế). Cả lớp hát một bài, trong khi 4 bạn đi vòng quanh ghế. Khi hát hết bài, chủ trò ra hiệu mỗi bạn phai ngồi vào một ghế. Ai nhanh (có ghế ngồi) sẽ được khen,...

- GV nêu nhận xét: Một bạn không có ghế ngồi vi số ghế ít hơn số người. Nhưvậy, chúng ta có thể so sánh số lượng của hai nhóm đồ vật bằng cách ghép tương ứng mỗi đồ vật của nhóm này với một và chỉ một đồ vật của nhóm kia.

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

***Tuần 4: Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … …/… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết* **: LỚN HƠN, DẤU >**

**BÉ HƠN, DẤU <**

**BẰNG NHAU, DẤU =**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Biết so sánh số lượng; biết sử dụng các từ *(lớn hơn, bé hơn, bằng nhau)* và
các dấu (>, <, =) để so sánh các số.
* Thực hành sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 5.
* Phát triển các NL toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

Các thẻ số và các thẻ dấu.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

***Mục tiêu:*** *Làm quen với tranh*

* HS xem tranh, chia sẻ theo cặp đôi những gì các em quan sát được từ bức tranh. Chẳng hạn: Bức tranh vẽ 3 bạn nhỏ đang chơi với các quả bóng, bạn thứ nhất tay phải cầm 4 quả bóng xanh, tay trái cầm 1 quả bóng đỏ, ...
* HS nhận xét về số quả bóng ở tay phải và số quả bóng ở tay trái của mỗi bạn.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***Mục tiêu:*** *Biết so sánh số lượng; biết sử dụng các từ (lớn hơn, bé hơn, bằng nhau) và
các dấu (>, <, =) để so sánh các số.*

1. **Nhận biết quan hệ lớn hơn, dấu >**

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau:

* Quan sát hình vẽ thứ nhất và nhận xét: “Bên trái có 4 quả bóng. Bên phải có1 quả bóng, số bóng bên trái *nhiều hơn* số bóng bên phải”.
* Nghe GV giới thiệu: “4 quả bóng nhiều hơn 1 quả bỏng”, ta nói: “4 *lớn hơn* 1”,viết 4 > 1. Dấu > đọc là “lớn hơn”.
* HS lấy thẻ dấu > trong bộ đồ dùng, gài vào thanh gài 4 >1, đọc “4 *lớn hơn* 1”
* Thực hiện tương tự, GV gắn bên trái có 5 quả bóng, bên phải có 3 quả bóng.
HS nhận xét: “5 quả bóng nhiều hơn 3 quả bóng”, ta nói: “5 *lớn hơn 3”,* viết 5 > 3.
1. **Nhận biết quan hệ bé hơn, dấu <**
* GV hướng dẫn HS quan sát hình vẽ thứ hai và nhận xét: “Bên trái có 2 quảbóng. Bên phải có 5 quả bóng, số bóng bên trái *ít hơn* số bóng bên phải. 2 quả bóng*ít hơn 5* quả bóng”, ta nói: “2 *bé hơn* 5”, viết 2 < 5. Dấu < đọc là “bé hơn”.
* HS lấy thẻ dấu < trong bộ đồ dùng, gài vào bảng gài 2 < 5, đọc “2 *bé hơn* 5”.
1. **Nhận biết quan hệ bằng nhau, dấu =**
* GV hướng dần HS quan sát hình vẽ thứ ba và nhận xét: “Bên trái có 3 quảbóng. Bên phải có 3 quả bóng, số bóng bên trái và số bóng bên phải *bằng nhau”.*Ta nói: “3 *bằng* 3”, viết 3 = 3. Dấu “=” đọc là “bằng”.
* HS lấy thẻ dấu = trong bộ đồ dùng, gài vào bảng gài 3 = 3, đọc “3 *bằng 3”.*

**Hoạt động 3: Thực hành, luyện tập**

***Mục tiêu:*** *Thực hành sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 5.*

**Bài 1**

* HS quan sát hình vẽ thứ nhất, so sánh số lượng khối lập phương bên trái vớisố lượng khối lập phương bên phải bằng cách lập tương ứng một khối lập phươngbên trái với một khối lập phương bên phải. Nhận xét: “3 khối lập phương nhiều hơn 1 khối lập phương”. Ta có: “3 lớn hơn 1 viết 3 >1.
* HS thực hành so sánh số lượng khối lập phương ở các hình vẽ tiếp theo vàviết kết quả vào vở theo thứ tự: 2 < 5; 4 = 4; 4 > 3.
* Đổi vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm.

**Bài 2**

* HS quan sát hình vẽ thứ nhất, lập tương ứng mỗi chiếc xẻng với một chiếc xô.
Nhận xét: “Mỗi chiếc xẻng tương ứng với một chiếc xô, thừa ra một chiếc xô. Vậysố xẻng *ít hơn* số xô”. Ta có: “2 *bé hơn* 3”, viết 2 < 3.
* HS thực hiện tương tự với các hình vẽ tiếp theo rồi viết kết quả vào vở:3>2;2= 2.
* Đổi vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm.
* Khuyến khích HS diễn đạt bằng ngôn ngữ của các em sử dụng các từ ngữ:
*nhiều hơn, ít hơn, lớn hơn, bé hơn, bằng nhau.*

**Bài 3**

1. HS tập viết các dấu (>, <, =) vào bảng con.
2. Cá nhân HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>, <, =) và viết kết quả vào vở. Đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm.

***Lưu ý:*** Khi đặt dấu (>, <) vào giữa hai số, bao giờ đầu nhọn cũng chỉ vào số bé hơn.

**Hoạt động 4: Vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn**

***Mục tiêu:*** *Vận dụng kiến thức vừa học vào cuộc sống*

**Bài 4**

* Cá nhân HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?
* HS chọn đồ vật có ghi số lớn hơn, rồi chia sẻ với bạn cách làm.
* Tìm các ví dụ xung quanh lớp học, trong gia đình về so sánh số lượng rồi chia sẻ với các bạn.

**\* Học sinh nhận nhiệm vụ tự học:**

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Từ ngữ toán học nào em cần chú ý? Kí hiệu toán học nào em cần nắm chắc?
Để không nhầm lẫn khi sử dụng các kí hiệu đó em nhắn bạn điều gì?

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

Thông qua việc so sánh hai số sử dụng quan hệ *lớn hơn, bẻ hơn, bằng nhau*và các kí hiệu (>, <, =), HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL

* Tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

Thông qua việc sử dụng các thẻ số, thẻ dấu (>, <, =) để thể hiện quan hệ *lớn hơn, bé hơn, bằng nhau,* HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và

* Phương tiện học toán.

**LƯU Ý:**

* Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Căn cứ vào đối tượng HS của lớp mình,GV có thể ngắt tiết cho phù hợp. Chẳng hạn, tiết 1 có thể kết thúc khi hết hoạt động hình thành kiến thức, cũng có thể kết thúc khi hết bài 1.

Nếu còn thời gian, GV có thế đưa thêm các ví dụ về so sánh hai số cho HS thực hành.

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết* **: LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Biết sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 10.
* Phát triển các NL toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

Hai bộ thẻ số từ 1 đến 5, 1 thẻ số 8 và 2 bộ thẻ các dấu (>, <, =).

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

***Mục tiêu:*** *Ôn tập lại các dấu đã học*

* Chơi trò chơi “Ghép thẻ” theo nhóm. Mỗi nhóm dùng 2 bộ thẻ các số từ 1 đến 5 và 2 bộ thẻ các dấu (>, <, =) để ghép thành các mệnh đề đúng. Chẳng hạn:1 <5;4 = 4;3>2; ...
* Các nhóm kiểm tra chéo kết quả của nhau, nhóm nào lập được nhiều mệnh đềđúng và nhanh nhất sẽ thắng cuộc.
* HS rút ra nhận xét qua trò chơi: Để so sánh đúng hai số cần lưu ý điều gì?

**Hoạt động 2: Thực hành, luyện tập**

***Mục tiêu:*** *Biết sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 10.*

**Bài 1**

* HS quan sát hình vẽ thứ nhất, so sánh số lượng khối lập phương bên trái vớibên phải bằng cách lập tương ứng một khối lập phương bên trái với một khối lậpphương bên phải. Nhận xét: “5 khối lập phương nhiều hơn 3 khối lập phương”,ta có: “5 lớn hơn 3”, viết 5 > 3.
* HS thực hành so sánh số lượng khối lập phương ở các hình vẽ tiếp theo vàviết kết quả vào vở: 4 < 6; 7 = 7.
* Đối vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm.

**Bài 2**

* Cá nhân HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>, <, =) và viết kếtquả vào vở.
* Đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm.

**Bài 3.** HS lấy các thẻ số 4, 8, 5. Đố bạn chọn ra thẻ ghi số lớn nhất, số bé nhấtrồi sắp xếp các the số trên theo thứ tự từ bé đến lớn, từ lớn đến bé.

Có thể thay bằng các thẻ sổ khác hoặc lấy ra 3 thẻ số bất kì (trong các số từ 0 đến 10) và thực hiện tương tự như trên.

**Hoạt động 3: Vận dụng**

***Mục tiêu:*** *Vận dụng các dấu đã học vào làm bài toán so sanh trong cuộc sống.*

**Bài 4**

* Cá nhân HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?
* HS đếm và chỉ ra bạn có ít viên bi nhất, bạn có nhiều viên bi nhất.
* GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn về so sánh liên quan đến tình huốngbức tranh.

**\* Học sinh nhận nhiệm vụ tự học:**

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?

- Để có thể so sánh chính xác hai số, em nhắn bạn điều gì?

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc so sánh hai số sử dụng quan hệ *lớn hơn, bé hơn, bằng nhau* và các kí hiệu (>, <, =), HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.
* Thông qua việc đặt câu hỏi và trả lời liên quan đến các tình huống có quan hệ lớn hơn, bé hơn, bằng nhau, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

Nếu còn thời gian, GV có thể đưa thêm các ví dụ về so sánh hai số cho HS thực hành.

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

***Tuần 5: Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết* **: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Củng cố kĩ năng đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10; đọc, viết, so sánhcác số trong phạm vi 10.
* Bước đầu biết tách số (7 gồm 2 và 5, 8 gồm 5 và 3, ...).
* Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.
* Phát triển các NL toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

Các thẻ số từ 0 đến 10.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

***Mục tiêu:***

**Bài 1**

* HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?
* HS đặt câu hỏi cho bạn về số lượng người và mỗi loại đồ vật có trong bức tranh. HS đếm và nói số lượng, chẳng hạn: có 8 bạn nhỏ, có 3 bạn đội mũ, có 1 chiếc bánh sinh nhật, có 6 cây nến, ...
* HS đặt câu hỏi cho bạn về so sánh số lượng liên quan đến tình huống bức tranh.

**Hoạt động 2: Thực hành, luyện tập**

***Mục tiêu:*** *Củng cố kĩ năng đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10; đọc, viết, so sánhcác số trong phạm vi 10. Bước đầu biết tách số (7 gồm 2 và 5, 8 gồm 5 và 3, ...).*

*Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.*

**Bài 2.** HS thực hiện theo nhóm hoặc theo cặp:

1. Quan sát hình vẽ, đếm và gọi tên 9 đồ vật trong hình.
2. Lấy từ bộ đồ dùng học tập 7 đồ vật.

***Lưu ý:*** Để HS được luyện tập nhiều hơn, GV có thể gợi ý cho HS chỉ ra các đồ vật với số lượng khác nhau, chẳng hạn: chỉ ra 5 đồ vật, chỉ ra 7 đồ vật, ... Hoặc lấy ra những đồ vật có số lượng khác nhau, chẳng hạn: Lấy ra 8 đồ vật, ... GV cũng có thể tổ chức thành trò chơi theo nhóm hoặc theo cặp. HS tự đưa ra yêu cầu để bạn cùng nhóm, cùng cặp thực hiện.

**Bài 3.** HS thực hiện các hoạt động sau:

* Đếm số quả bóng, số kẹo, số vòng tay, số ngón tay rồi nêu số thích họp.
* Quan sát hình vẽ, nhận xét: “Có 5 quả bóng, 3 quả bóng vằn đỏ, 2 quả bóng vằn xanh”. GV hướng dẫn HS nói: “5 gồm 3 và 2 hoặc 5 gồm 2 và 3”. Thực hiện tương tự với các trường hợp khác.

***Lưu ý:*** Nếu có thời gian, GV có thể hướng dẫn HS thao tác trên các ngón tay và nói, chẳng hạn: HS giơ 7 ngón tay (tay trái giơ 5 ngón, tay phái giơ 2 ngón); HS nói: “7 gồm 5 và 2 hoặc 7 gồm 2 và 5”.

**Bài 4.** Thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm bàn:

* HS lấy các thẻ số từ 0 đến 10: a) Tìm các thẻ ghi số bé hơn 5; b) Tìm các thẻghi số lớn hơn 7; c) Lấy ra các thẻ số 6, 3, 7, 2 rồi sắp xếp các thẻ số đó theo thứ tựtừ bé đến lớn.
* HS có thể tự đặt các yêu cầu tương tự để thực hành trong nhóm.

**Bài 5**

* Cá nhân HS quan sát tranh, đếm từng loại hình vuông, hình tròn, hình tamgiác, hình chữ nhật trong tranh rồi ghi kết quả vào vở.
* HS chia sẻ kết quả với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả: Có tất cả 4 hìnhvuông, 10 hình chữ nhật, 6 hình tam giác và 4 hình tròn.

Lưu ý: HS có thể sử dụng ngón tay hoặc các đồ vật trực quan để hồ trợ tìm số lượng mỗi loại hình.

**Hoạt động 3: Vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn**

***Mục tiêu:*** *Vận dụng kiến hức đã học vào cuộc sống xung quanh.*

**Bài 6**

* Cá nhân HS quan sát tranh, đếm số cánh hoa của mỗi bông hoa.
* HS chia sẻ kết quả với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả.
* GV giới thiệu cho HS các loại hoa có 3, 4, 5, 6, 8, 10 cánh trong hình vẽ lần lượt là: hoa duyên linh, hoa mẫu đơn, hoa mai trắng, hoa dừa cạn, hoa ly, hoa bướm.
* Liên hệ thực tế với những loại hoa mà em biết.
* Khuyến khích HS về nhà quan sát các bông hoa trong tự nhiên, đếm số cánh hoa, tìm hiểu thêm về những bông hoa có 1 cánh, 2 cánh, 3 cánh, ...

**\* Học sinh nhận nhiệm vụ tự học:**

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Để có thể làm tốt các bài trên em nhắn bạn điều gì?

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua các hoạt động: đếm số lượng, nêu số tương ứng hoặc với mỗi số lấy tương ứng số lượng đồ vật, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

Thông qua các thao tác tách số, nêu cấu tạo mỗi số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết 15***:EM VUI HỌC TOÁN**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS sẽ được trải nghiệm các hoạt động:

* Nghe hát, vận động theo nhịp và chơi trò chơi, thông qua đó củng cố kĩ năng đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10.
* Làm các số em thích bằng các vật liệu địa phương, biểu diễn các số bằng nhiều cách khác nhau.
* Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật gắn với các biển báo giao thông.
* Phát triển các NL toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Bài hát: Em tập đếm.

* Các vật liệu đế có thể biểu diễn số lượng, chẳng hạn: dây, đất nặn, sỏi, que tính,...
* Bút màu, giấy vẽ.
* Một số hình ảnh biển báo giao thông.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1. Nghe hát, vận động theo nhịp và giơ ngón tay đúng số lượng**

***Mục tiêu:*** *Nghe hát, vận động theo nhịp và chơi trò chơi, thông qua đó củng cố kĩ năng đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10.*

1. HS nghe và vận động theo nhịp của bài hát “Em tập đếm”. HS giơ các ngóntay theo các số có trong lời bài hát.
2. HS thực hiện theo cặp; đọc số, giơ ngón tay đúng số lượng của số vừa đọcvà ngược lại. Khi giơ một số ngón tay, GV yêu cầu HS phải nói đúng số lượng ngóntay vừa giơ.

**Hoạt động 2. Tạo thành các số em thích**

***Mục tiêu:*** *Làm các số em thích bằng các vật liệu địa phương, biểu diễn các số bằng nhiều cách khác nhau.*

HS thực hiện theo nhóm:

* Làm các số đã học (từ 0 đến 10) bằng các vật liệu khác nhau đã chuẩn bịtrước. Chẳng hạn ghép số bằng các viên sỏi, nặn số bằng đất nặn hoặc dùng dâythừng để tạo số, ...
* Khuyến khích HS sáng tạo theo cách của các em.
* Trưng bày các sản phẩm của nhóm, cử đại diện trình bày ý tưởng.

**Hoạt động 3. Thể hiện số bằng nhiều cách**

HS thực hiện theo nhóm:

* Thê hiện các số đã học bằng nhiều cách: viết, vẽ, tô màu, ...
* Khuyến khích HS sáng tạo theo cách của các em.
* Trưng bày các sản phẩm của nhóm, cử đại diện trình bày ý tưởng.

**Hoạt động 4. Tìm hiểu biển báo giao thông**

***Mục tiêu:*** *Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật gắn với các biển báo giao thông.*

HS thực hiện theo nhóm hoặc thực hiện chung cả lớp:

* Nêu hình dạng của các biển báo giao thông trong hình vẽ. GV giới thiệu cho HS: Trong hình vẽ, thứ tự từ trái qua phải là các biển báo: đường dành cho ô tô,đường dành cho người tàn tật, đường dành cho người đi bộ cắt ngang và đường cấmđi ngược chiều.
* Chia sẻ hiểu biết về các biến báo giao thông. Nhận ra biến cấm thường có màu đỏ.
* **Củng cố, dặn dò**
* HS nói cảm xúc sau giờ học.
* HS nói về hoạt động thích nhất trong giờ học.

HS nói về hoạt động nào còn lúng túng, nếu làm lại sẽ làm gì.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua các hoạt động trải nghiệm: làm số bằng các vật liệu, thể hiện số bằng nhiều cách khác nhau, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học,NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.
* Thông qua các hoạt động thuyết trình về các sản phẩm và ý tưởng của nhóm,HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua hoạt động nhóm HS có cơ hội phát triển NL họp tác.

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**CHỦ ĐỀ 2: PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10**

***Tuần 6: Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

* **TOÁN**

*Tiết* **: LÀM QUEN VỚI PHÉP CỘNG – DẤU CỘNG**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Làm quen với phép cộng qua các tình huống có thao tác gộp, nhận biết cáchsử dụng các dấu (+, =).
* Nhận biết ý nghĩa của phép cộng (với nghĩa gộp) trong một số tình huống gắn với thực tiễn.
* Phát triển các NL toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

* Các que tính, các chấm tròn, các thẻ số, các thẻ dấu (+, =), thanh gài phép tính.
* Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng (với nghĩa gộp).

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

* HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:

*+ Quan sát hai bức tranh* trong SGK.

*+ Nói* với bạn về những điều quan sát được từ mỗi bức tranh, chẳng hạn: Có3 quả bóng màu xanh; Có 2 quả bóng màu đỏ; Có tất cả 5 quả bóng đượcném vào rổ.

* GV hướng dần HS xem tranh, giao nhiệm vụ và gợi ý để HS chia sẻ nhữnggì các em quan sát được.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***Mục tiêu:*** *Làm quen với phép cộng qua các tình huống có thao tác gộp, nhận biết cáchsử dụng các dấu (+, =).*

1. HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

* Tay phải cầm 3 que tính. Tay trái cầm 2 que tính. *Gộp lại* (cả hai tay) và đếmxem có tất cả bao nhiêu que tính.
* HS nói, chẳng hạn: “Tay phải có 3 que tính. Tay trái có 2 que tính. Có tất cả 5 que tính”.
1. GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Có... Có tất cả...*
2. Hoạt động cả lớp:
* GV dùng các chấm tròn để diễn tả các thao tác HS vừa thực hiện trên que tính.
* HS nghe GV giới thiệu phép cộng, dấu +, dấu =: HS nhìn 3 + 2 = 5 và đọc *ba cộng hai băng năm.*
* GV giới thiệu cách diễn đạt bằng kí hiệu toán học 3 + 2 = 5.
1. Củng cố kiến thức mới
* GV nêu tình huống khác, HS đặt phép cộng tương ứng rồi nêu phép tính. Chẳng hạn: GV nêu: “Bên trái có 1 chấm tròn, bên phải có 4 chấm tròn, gộp lại có tất cả mấy chấm tròn ? Bạn nào nêu được phép cộng ?”;

HS nêu phép tính 1 +4 = 5.

* Theo nhóm bàn, HS tự nêu tình huống tương tự rồi đố nhau đưa ra phép cộng.

**Hoạt động 3: Thực hành, luyện tập**

* ***Mục tiêu:*** *Nhận biết ý nghĩa của phép cộng (với nghĩa gộp) trong một số tình huống gắn với thực tiễn.*

Bài 1

- Cá nhân HS làm bài 1: HS quan sát tranh, chẳng hạn:

+ Bên trái có 2 quả bóng vàng. Bên phải có 1 quả bóng xanh. Có tất cả bao nhiêu quả bóng?

+ Đọc phép tính và nêu số thích hợp ở ô dấu ? rồi viết phép tính 2+1 = 3 vào vở.

* Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống trong bức tranhvà phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lóp.

GV chốt lại cách làm bài, gợi ý đê HS sử dụng mẫu câu khi nói về bức tranh: *Có...Có...Có tất cả...*

Bài 2:

* Cá nhân HS quan sát tranh vẽ, nhận biết phép tính thích hợp với từng tranhvẽ; Thảo luận với bạn về chọn phép tính thích họp cho từng tranh vẽ, lí giải bằngngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp.
* GV chốt lại cách làm bài.

Bài 3: Cá nhân HS quan sát tranh, đọc phép tính tương ứng đã cho, suy nghĩvà tập kể cho bạn nghe một tình huống theo bức tranh. Chia sẻ trước lớp. GV lưu ýhướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Có... Có tất cả...*

**Hoạt động 4: Vận dụng kiến hức, kỹ năng vào thực tiễn**

***Mục tiêu:****Vận dụng kiến thức đã học nêu các tình huống liên quan đến phép cộng.*

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng (với nghĩa gộp) rồi chia sẻ với bạn, chẳng hạn: An có 5 cái kẹo. Bình có 1 cái kẹo. Hỏi cả hai bạn có tất cả mấy cái kẹo?

**\* Học sinh nhận nhiệm vụ tự học**

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng để hôm sau chia sẻ với các bạn.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản nêu lên nhận biết về phép cộng (với nghĩa gộp), cách sử dụng các dấu (+, =), HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc diễn tả tình huống thực tế bằng phép cộng hai số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học.

Thông qua việc thao tác với các que tính hoặc các chấm tròn, biểu điền quá trình thực hiện phép tính cộng hai số, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

* **TOÁN**

*Tiết* **: LÀM QUEN VỚI PHÉP CỘNG – DẤU CỘNG (tiếp theo)**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Làm quen với phép cộng qua các tình huống có thao tác thêm, củng cố cáchsử dụng các dấu (+, =).
* Nhận biết ý nghĩa của phép cộng (với nghĩa thêm) trong một số tình huốnggắn với thực tiễn.
* Phát triển các NL toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

* Các que tính, các chấm tròn.
* Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng (với nghĩa thêm).

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

* HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:

*+ Quan sát hai bức tranh* trong SGK.

*+ Nói* với bạn về những điều quan sát được từ mỗi bức tranh, chẳng hạn: Có 4 quả bóng trong rổ. Thêm 1 quả bóng. Có tất cả 5 quả bóng trong rổ.

* GV hướng dần HS xem tranh, giao nhiệm vụ cho HS và gợi ý để HS chia sẻ những gì các em quan sát được.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***Mục tiêu:*** *Làm quen với phép cộng qua các tình huống có thao tác thêm, củng cố cách sử dụng các dấu (+, =).*

1. GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:
* HS thao tác trên que tính: Lấy ra 4 que tính. *Lấy thêm* 1 que tính. Đếm xem có tất cả bao nhiêu que tính?
* HS nói: “Có 4 que tính. Thêm 1 que tính. Có tất cả 5 que tính”.
1. GV lưu ý hướng dần HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Thêm... Có tất cả...*
2. Hoạt động cả lớp:
* GV dùng các chấm tròn đế diễn tả các thao tác HS vừa thực hiện trên que tính.
* HS nhìn 4 + 1-5, đọc *bốn cộng một bằng năm.*
* GV giới thiệu cách diễn đạt bằng kí hiệu toán học 4+1=5.
1. Củng cố kiến thức mới:
* GV nêu tình huống khác, HS nêu phép cộng tương ứng rồi nêu phép tính . Chẳng hạn: “Có 3 ngón tay. Thêm 2 ngón tay. Có tất cả mấy ngón tay? Bạn nào nêu được phép cộng?”. HS nêu phép tính 3 + 2 = 5.
* Theo nhóm bàn, HS tự nêu tình huống tương tự rồi đố nhau đưa ra phép cộng.

**Hoạt động 3: Thực hành, luyện tập**

***Mục tiêu:*** *Nhận biết ý nghĩa của phép cộng (với nghĩa thêm) trong một số tình huống gắn với thực tiễn.*

**Bài 1**

* Cá nhân HS làm bài 1: HS quan sát tranh, chẳng hạn:

+ Có1 con ong, thêm 1 con ong bay đến. Có tất cả bao nhiêu con ong?

+ Đọc phép tính và nêu số thích hợp ở ô dấu ? rồi viết phép tính 1 + 1 = 2 vào vở.

* Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.
* GV chốt lại cách làm bài, gợi ý để HS sử dụng mẫu câu: *Có... Thêm... Có tất cả...*

**Bài 2**

* Cá nhân HS quan sát các tranh vẽ, nhận biết phép tính thích hợp với từng tranh vẽ; Thảo luận với bạn về chọn phép tính thích hợp cho từng tranh vẽ, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp.
* GV chốt lại cách làm bài.

**Bài 3.** Cá nhân HS quan sát tranh, đọc phép tính tương ứng đã cho, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống theo bức tranh. Chia sẻ trước lóp. GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mầu câu khi nói: Cớ... *Thêm... Có tất cả...*

**Hoạt động 4: Vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn**

***Mục tiêu:*** *Vận dụng kiến thức vừa học nêu các tình huống trong cuộc sống xung quanh*

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng (với nghĩa thêm) rồi chia sẻ với bạn, chẳng hạn: Hà có 5 cái kẹo. Mẹ cho thêm 1 cái kẹo. Hàcó tất cả mấy cái kẹo?

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng để hôm sau chia sẻ với các bạn.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sình**

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản nêu lên nhận biết về phép cộng (với nghĩa thêm), cách sử dụng các dấu (+, =), HS có cơ hội được phát triểnNL giải quyết Vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc diễn tả tình huống thực tế bằng phép cộng hai số, HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học.

Thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, biểu diễn quá trình thực hiện phép tính cộng hai số, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

* **TOÁN**

*Tiết* **: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 6.
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

* Các que tính, các chấm tròn.
* Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

* HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:

*+ Quan sát* bức tranh trong SGK.

*+ Nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh liên quan đến phép cộng, chẳng hạn: “Có 4 con chim ở dưới sân. Có 2 con chim đang bay đến.Có tất cả bao nhiêu con chim?”, HS đếm rồi nói: “Có tất cả 6 con chim”.

+ Chia sẻ trước lớp: đại diện một số bàn, đứng tại chồ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép cộng mà mình quan sát được.

* GV hướng dần HS xem tranh, giao nhiệm vụ và gợi ý đế HS chia sẻ những gì các em quan sát được từ bức tranh có liên quan đến phép cộng. Khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

1.GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau:

* *Quan sát* hình vẽ “chong chóng” trong khung kiến thức trang 38.
* GV *nói:* Bạn gái bên trái có 3 chong chóng - Lấy ra 3 chấm tròn;

 Bạn gái bên phải có 1 chong chóng - Lấy ra 1 chấm tròn.

Để biết có tất cả bao nhiêu chong chóng (hay chấm tròn) ta thực hiện phép cộng 3 + 1.

* HS nói: 3 + 1=4.
1. HS thực hiện tương tự với hình vẽ “chim bay” trong khung kiến thức trang 38 và nói kết quả *phép cộng*. 4 + 2 = 6.
2. GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói : *Có... Có... có tất cả...*
3. Củng cố kiến thức mới:
* GV nêu một số tình huống. HS đặt phép cộng tương ứng. GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép cộng rồi gài kết quả vào thanh gài.
* Theo nhóm bàn, HS tự nêu tình huống tương tự rồi đố nhau đưa ra phép cộng và tính kết quả.

***Lưu ý:***

- Ngoài việc dùng các chấm tròn, HS có thể dùng ngón tay, que tính hoặc đồvật khác để hỗ trợ việc tính ra kết quả.

- Tùy theo đối tượng HS và điều kiện thực tế, GV có thể khuyến khích HS suy nghĩ tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: Không dùng các chấm tròn mà hãy tưởng tượng trong đầu để tìm kết quả, ví dụ:

5 + 1 = ?; 2 + 2 = ?; 2+1 =?; …

**Hoạt động 4: Thực hành, luyện tập**

***Mục tiêu:*** *Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 6.*

**Bài 1**

* GV hướng dẫn HS cách làm 1 phép tính.
* Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm để tìm kết quả phép tính), rồi ghi phép tính vào vở.
* Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau, nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.
* GV có thể nêu ra một vài phép tính khác để HS củng cố kĩ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính.

*Lưuý:* Bài này trọng tâm là GV huớng dẫn HS cách tìm kết quả phép cộng. Ngoài chấm tròn, HS có thể dùng ngón tay, que tính, ... để tim ra kết quả của phép cộng.

**Bài 2**

* Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm đê tìm kết quả phép tính).
* HS thảo luận với bạn về kết quả tính được, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân.
Chia sẻ trước lóp.
* GV chốt lại cách làm bài.

*Lưu ỷ:* Ở bài này HS có thể tìm kết quả phép tính bằng nhiều cách khác nhau(có thể nhẩm, có thể dùng chấm tròn, que tính, ngón tay,...), GV nên quan sát cách HS tìm ra kết quả phép tính hơn là chỉ chú ý đến kết quả của phép tính.

**Hoạt động 4: Vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn**

***Mục tiêu:*** *Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.*

**Bài 3**

* Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

*Ví dụ* câu a): Bên trái có 3 chú mèo. Bên phải có 2 chú mèo. Có tất cả bao nhiêu chú mèo? Phép tính tương ứng là: 3 + 2 = 5.

* HS nghĩ ra một số tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.

**\* Học sinh nhận nhiệm vụ tự học**

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?

- Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản để nhận biết về cách tìm kết quả phép cộng trong phạm vi 6, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

Thông qua việc thao tác với các que tính hoặc các chấm tròn, biểu diễn quá trình thực hiện phép tính cộng hai số, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tuần 7:  *Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết* **: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6 (tiếp theo)**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi* 6.
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

* Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính.
* Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

***Mục tiêu*:** *Ôn tập kiến thức đã học*

Chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép cộng trong phạm vi 6 đã học.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***Mục tiêu*:** *Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập Bảng cộng trong phạm vi 6.*

HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

* Tìm kết quả từng phép cộng trong phạm vi 6 (thể hiện trên các thẻ phép tính).

***Lưu ý:*** GV có thể tổ chức cho HS tự tìm kết quả từng phép tính dưới dạng tròchơi theo cặp/nhóm: Bạn A rút một thẻ rồi đọc phép tính; bạn B nêu kết quả phép tính đó (có thể viết kết quả ra bên cạnh hoặc mặt sau).

* *Sắp xếp* các thẻ phép cộng theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng cộng như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng cộng trước mặt.
* GV giới thiệu *Bảng cộng trong phạm vi 6* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng.
* HS nhận xét về đặc điểm của các phép cộng trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng cộng trong phạm vi 6.*
* HS đưa ra *phép cộng* và đố nhau tìm *kết quả* (làm theo nhóm bàn).
* GV tổng kết: Có thể nói:

Dòng thứ nhất được coi là Bảng cộng: Một số cộng 1.

Dòng thứ hai được coi là Bảng cộng: Một số cộng 2.

Dòng thứ ba được coi là Bảng cộng: Một số cộng 3.

Dòng thứ tư được coi là Bảng cộng: Một số cộng 4.

Dòng thứ năm được coi là Bảng cộng: Một số cộng 5.

**Hoạt động 3: Thực hành, luyện tập**

***Mục tiêu*:** *Vận dụng phép cộng trong phạm vi 6 đã học tìm kết quả các phép tính trong bài tập.*

**Bài 1**

* Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài, rồi viết kết quả vào vở.
* Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.

**Lưu ý:** Bài này trọng tâm là tính nhẩm rồi nêu kết quả. Nếu HS chưa nhẩm được ngay thì vẫn có thế dùng ngón tay, que tính, ... đế tìm kết quả. GV nên hướng dẫn HS vận dụng *Bảng cộng trong phạm vi 6* để tính nhẩm.

* GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản dễ nhẩm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kĩ năng tính nhấm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: 4 +1; 1+ 4; 5 +1; 1 + 5; ...
* Ở câu b), GV nên đặt câu hỏi đế HS quan sát và nêu nhận xét các phép tính trong từng cột, chẳng hạn: Khi đổi chồ hai số trong phép cộng thì kết quả phép cộng không thay đổi. HS lấy thêm ví dụ tương tự: 2 + 3 = 5; 3 + 2 = 5; ...

**Bài 2.** HS tự làm bài 2, nêu phép tính thích hợp cho từng ô còn thiếu. HS trao đổi với bạn và giải thích lí do lựa chọn phép tính thích hợp. Chia sẻ trước lớp.

**Bài 3.** HS quan sát phân tích mầu rồi vận dụng đế tìm kết quả các phép tính cho trong bài.

***Lưu ý:*** GV hướng dẫn HS cách làm các bài có số 0 trong phép cộng ( một số cộng với 0 có kết quả bằng chính số đó). GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. GV khuyến khích HS trong lớp lấy thêm ví dụ phép cộng với số 0.

**Hoạt động 4: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn**

***Mục tiêu*:** *Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.*

**Bài 4.** Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lóp.

1. Bên trái *có* 3 con ong. Bên phải có 3 con ong. Có tất cả bao nhiêu con ong?
Ta có phép cộng 3 + 3 = 6. Vậy có tất cả 6 con ong.
2. Có 3 bạn đang ngồi đọc sách. *Có thêm 2* bạn đi đến. *Có tất cá* bao nhiêu bạn?
Ta có phép cộng 3 + 2 = 5. Vậy có tắt cả 5 bạn.
* HS nghĩ ra một số tinh huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.

**\* Học sinh nhận nhiệm vụ tự học**

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 đế hôm sau chia sẻ với các bạn.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản để nhận biết về cách tìm kết quả phép cộng có kết quả đến 6 và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi 6,*HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc quan sát tranh, nêu tình huống thích hợp với tranh vẽ, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề và NL mô hình hoá toán học.

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết* **: LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Cúng cố về bảng cộng và làm tính cộng trong phạm vi 6.
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

* Các thẻ phép tính như ở bài 1.
* Một số tình huống thực tế đơn giản có liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

***Mục tiêu*:** *Củng cố về bảng cộng.*

HS thực hiện các hoạt động sau:

* Chơi trò chơi “Truyền điện” để ôn tập cộng nhẩm trong phạm vi 6 như sau:
Bạn A đọc phép cộng rồi chỉ bạn B đọc kết quả. Nếu bạn B đọc kết quả đúng thì bạn B đọc tiếp phép cộng khác rồi chỉ bạn c đọc kết quả. Quá trình cứ tiếp tục như vậy,cuộc chơi dừng lại khi đến bạn đọc kết quả sai. Bạn đó thua cuộc.
* Chia sẻ: Cách cộng nhấm của mình; Để có thể nhẩm nhanh, chính xác cần lưu ý điều gì?

**Hoạt động 2: Thực hành, luyện tập**

***Mục tiêu*:** *Củng cố về bảng cộng và làm tính cộng trong phạm vi 6.*

**Bài 1.** GV tổ chức cho HS chơi theo cặp hoặc theo nhóm như sau: Một bạn lấy ra một thẻ phép tính đố bạn khác nêu kết quả phép tính và ngược lại. Hoặc cũng có thể chuẩn bị các thẻ trắng để HS tự viết phép tính rồi đố bạn viết kết quả thích hợp.

**Bài 2**

* Cá nhân HS tự tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảng cộng trong phạm vi 6* để tìm kết quả).
* HS thảo luận với bạn về cách tính nhẩm rồi chia sẻ trước lớp.
* GV chốt lại cách làm bài. Chú ý, trong phép cộng hai số mà có một sổ bằng 0 thì kết quả bằng số còn lại.

**Bài 3**

* Cá nhân HS quan sát các ngôi nhà và số ghi trên mỗi mái nhà để nhận ra cácphép tính trong ngôi nhà có kết quả là số ghi trên mái nhà. HS lựa chọn số thích hợptrong mỗi ô có dấu ? của từng phép tính sao cho kết quả mỗi phép tính đó là số ghi trênmái nhà, ví dụ ngôi nhà số 5 có các phép tính: 3 + 2; 2 + 3; 4 + 1



* HS chia sẻ với bạn, đặt câu hỏi cho nhau, cùng tìm thêm các phép tính có thể đặt vào mỗi ngôi nhà. Chẳng hạn: Ngôi nhà số 5 còn có thể đặt thêm các phép tính:
1 +4; 5 + 0; 0 + 5.
* GV chốt lại cách làm bài. GV nên khuyến khích HS suynghĩ và nói theo cách của các em.

***Lưu ý:*** GV có thế tổ chức cho HS thực hiện theo nhóm vớicác ngôi nhà số bằng giấy bìa, HS tự hoàn thiện các phép tính cókết quả tương ứng với kết quả ghi trên mỗi mái nhà, chẳng hạnnhư hình vẽ bên.

**Bài 4**

* Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

*Ví dụ* câu a): Trên cây có 2 con chim. Có thêm 3 con bay đến. Có tất cả bao nhiêu con chim? Ta có phép cộng 2 + 3 = 5. Vậy có tất cả 5 con chim.

* HS làm tương tự với các trường hợp còn lại.

**Hoạt động 3: Vận dụng**

***Mục tiêu*:** *Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.*

Học sinh nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.

**\* Học sinh nhận nhiệm vụ tự học**

Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6
đế hôm sau chia sẻ với các bạn.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua luyện tập thực hành tính cộng trong phạm vi 6, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc nhận biết các bài toán bởi các tranh ảnh minh hoạ hoặc tình
huống thực tế và việc sử dụng các kí hiệu toán học đế diễn tả bài toán, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL mô hình hoá toán học.

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết* **: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 1O**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 10.
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào
giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

* Các que tính, các chấm tròn.
* Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 10.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

***Mục tiêu*:** *Làm quen với các tình huống*

HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:

* *Quan sát* bức tranh trong SGK.
* *Nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh liên quan đến phép cộng, chẳng hạn:

+ Có 6 con chim trên cây. Có 4 con chim đang bay đến. Để biết có tất cả baonhiêu con chim, ta thực hiện phép cộng 6 + 4 = 10. Có tất cả 10 con chim.

+ Có 4 bạn đang chơi bập bênh. Có 4 bạn khác đang đi tới. Để biết có tất cảbao nhiêu bạn, ta thực hiện phép cộng 4 + 4 = 8. Có tất cả 8 bạn.

* Chia sẻ trước lóp: đại diện một số bàn, đứng tại chồ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép cộng mà mình quan sát được.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***Mục tiêu*:** *Hình thành các phép cộng trong phạm vi 10*

1. HS sử dụng các chấm tròn để tìm kết quả phép cộng: 4 + 3, rồi viết và đọc kết quả 4 + 3 = 7.

Tương tự HS tìm kết quả các phép cộng còn lại: 6 + 4; 5 + 4; 4 + 4.

1. GV chốt lại cách tìm kết quả một phép cộng (có thể hướng dẫn HS: ngoài chấm tròn có thế sử dụng que tính, ngón tay, ... để tìm kết quả phép tính).
2. Hoạt động cả lớp:

GV dùng các chấm tròn để diễn tả các thao tác HS vừa thực hiện ở trên và nói: 4+ 3 = 7; 6 + 4 = 10; 5 + 4 = 9; 4 + 4 = 8.

1. Củng cố kiến thức mới:
* GV nêu một số tình huống. HS nêu phép cộng tương ứng. GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép cộng theo cách vừa học rồi nêu phép cộng và kết quả .

- HS tự nêu tình huống ưrơng tự rồi đố nhau đưa ra phép cộng (làm theo nhóm bàn).

***Lưu ý:*** Tuỳ theo đối tượng HS và điều kiện thực tế, GV có thể khuyến khích HS tư duy, chẳng hạn: Để tìm kết quả phép tính, không dùng các chấm tròn mà hãy tưởng tượng trong đầu để tìm kết quả.

**Hoạt động 3: Thực hành, luyện tập**

***Mục tiêu*:** *Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 10.*

**Bài 1**

* Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm để tìm kết quả phép tính).
* Đối vở, đặt và trả lời câu hỏi về các phép tính vừa thực hiện. Chia sẻ trước lớp.

**Lưu ý:** Bài này trọng tâm là hướng dần cách tìm kết quả phép cộng. Ngoài việc sử dụng chấm tròn, HS có thể dùng ngón tay, que tính, ... để tìm kết quả. GV có thể nêu thêm một số phép cộng khác để HS rèn kĩ năng tìm kết quả phép tính.

**Bài 2**

* Cá nhân HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài.
* HS đổi vở, chữa bài, cùng nhau kiểm tra kết quả các phép tính đã thực hiện.

**Lưu ý:** Ở bài này HS có thể tìm kết quả phép tính bằng nhiều cách khác nhau có thê nhâm, có thể dùng chấm tròn, que tính, ngón tay, ...), GV không nên yêu cầu HS chỉ điền kết quả mà nên nhấn mạnh vào cách các em tìm kết quả phép tính. GVcó thể đưa thêm các phép tính khác để HS rèn kĩ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

***Mục tiêu*:** *Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.*

**Bài 3**

* Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.
* GV chốt lại cách làm. GV có thể đưa ra một vài ví dụ mẫu khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. GV khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câuhỏi cho nhóm trình bày.

\* HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10.

**\* Học sinh nhận nhiệm vụ tự học**

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản để nhận biết về cách tìm
kết quả phép cộng, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL
tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, biểu diễn quá trình thực hiện phép tính cộng hai số, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

**LƯU Ý**

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tuỳ thuộc trình độ HS, GV ngắt tiết và tổchức các hoạt động cho phù hợp, chẳng hạn, tiết 1 kết thúc sau khi hoàn thành bài 1.
Trọng tâm của bài học là HS biết cách tìm kết quả các phép cộng trong phạm vi 10.

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết* **: LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Củng cố về bảng cộng và làm tính cộng trong phạm vi 10.
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

* Các que tính, các chấm tròn.
* Một số tình huống thực tế có liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

***Mục tiêu:*** *Củng cố về bảng cộng 10*

HS thực hiện các hoạt động sau:

* Chơi trò chơi “Truyền điện” về phép tính cộng trong phạm vi 10.
* Chia sẻ: Cách cộng nhẩm của mình; Để có thể nhẩm nhanh, chính xác cần lưu ý điều gì?

**Hoạt động 2: Thực hành, luyện tập**

***Mục tiêu:*** *Củng cố về bảng cộng và làm tính cộng trong phạm vi 10.*

**Bài 1**

* Cá nhân HS làm bài 1:

+ Quan sát tranh minh hoạ và quan sát các thanh chấm tròn. Đọc hiểu yêu cầu đề bài.

+ Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài.

+ Chọn số thích hợp đặt vào ô ? .

* HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống đã cho cùng phép tính tương ứng.

**Bài 2**

* Cá nhân HS tự làm bài 2:

+ Quan sát tranh minh hoạ các số ghi trên mỗi cái xẻng treo trên giá và các phép tính đượcnêu trên mặt các xô.

+ Tìm kết quả các phép cộng nêu trên và chọn số thích họp ghi trên xẻng.

+ Thảo luận với bạn về cách làm. Chia sẻ trước lóp.

* GV chốt lại cách làm bài.

**Bài 3**

* Cá nhân HS tự làm bài 3: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài. Nhận xét kết quả của các phép tính trong mỗi cột và giải thích cho bạn nghe. Chẳng hạn: 7 + 1 = 8; 1+7 = 8; vậy 7 cộng 1 cũng bằng 1 cộng 7.
* GV chốt lại cách làm bài, khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. Khuyến khích HS tự nêu thêm ví dụ như các phép tính trong từng cột rôi đố nhau tìm kết quả phép tính.

**Hoạt động 3: Vận dụng**

***Mục tiêu:*** *Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.*

**Bài 4**

* Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

*Ví dụ* câu a): Trong hàng rào có 4 con gà. Có 3 con gà đang đi đến. Có tất cả bao nhiêu con gà? Ta có phép cộng: 4 + 3 = 7. Vậy có tất cả 7 con gà.

Vậy phép tính thích hợp là 4 + 3 = 7.

* HS làm tương tự trường hợp còn lại.
* GV khuyến khích HS suy nghĩ, nói theo cách của các em và khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.

 \* HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10.

**\* Học sinh nhận nhiệm vụ tự học**

Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua luyện tập thực hành tính cộng trong phạm vi 10, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

Thông qua việc nhận biết các bài toán dựa vào các tranh ảnh minh hoạ hoặc tình huống thực tế và thông qua việc sử dụng các kí hiệu toán học để diễn tả bài toán, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL mô hình hoá toán học.

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết* **: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 1O (tiếp theo)**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Tìm được kết quả các phép cộng có kết quả đến 10 (trong phạm vi 10) và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi 10.*
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
* Phát triển các NL toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

* Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính.
* Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 10.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

***Mục tiêu:*** *Củng cố kiến thức đã học*

HS chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép cộng trong phạm vi 10 đã học.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***Mục tiêu:*** *Thành lập Bảng cộng trong phạm vi 10.*

* Tìm kết quả từng phép cộng trong phạm vi 10 (thể hiện trên các thẻ phép tính). Chẳng hạn: 1 + 1= 2; 3 + 2 = 5; 4 + 3 = 7; 5 + 4 = 9; 6 + 4= 10;...

***Lưu ý:*** GV có thể tổ chức cho HS tự tìm kết quả từng phép tính dưới dạng trò chơi theo cặp/nhóm: Bạn A rút một thẻ rồi đọc phép tính trên đó, đố bạn B nêu kết quả phép tính (có thể viết kết quả ra bên cạnh hoặc mặt sau).

* *Sắp xếp* các thẻ phép cộng theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng cộng như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng cộng trước mặt.
* GV giới thiệu *Bảng cộng trong phạm vi 10* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng.
* HS nhận xét về đặc điểm của các phép cộng trong từng dòng hoặc tùng cột và ghi nhớ *Bảng cộng trong phạm vỉ 10.*
* HS đưa ra *phép cộng* và đố nhau tìmẦé/ *quả* (làm theo nhóm bàn).
* GV tổng kết: Có thể nói:

Dòng thứ nhất được coi là Bảng cộng: Một số cộng 1.

Dòng thứ hai được coi là Bảng cộng: Một số cộng 2.

Dòng thứ ba được coi là Bảng cộng: Một số cộng 3.

……………………………………………………….

Dòng thứ chín được coi là Bảng cộng: Một số cộng 9.

**Hoạt động 3: Thực hành, luyện tập**

***Mục tiêu:*** *Tìm được kết quả các phép cộng có kết quả đến 10 (trong phạm vi 10)*

**Bài 1**

* Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảng cộng trong phạm vi 10* đế tìm kết quả).
* Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau; đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.

***Lưu ý:*** Bài này trọng tâm là tính nhẩm rồi nêu kết quả. Nếu HS chưa nhẩm được ngay thì vẫn có thể dùng ngón tay, que tính, ... để tìm kết quả. GV nên hướng dẫn HS vận dụng *Bảng cộng trong phạm vi10* để tính nhẩm.

* GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản dễ nhẩm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kĩ năng tính nhẩm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: 7+1; 1+7; 8 +2; 2 +8;...

**Bài 2**

* Cá nhân HS tự làm bài 2: Thực hiện tính cộng để tìm kết quả rồi chọn ô có số chỉ kết quả tương ứng; Thảo luận với bạn về chọn ô có sổ chỉ kết quả thích hợp; Chia sẻ trước lớp.
* GV chốt lại cách làm bài. Có thể tổ chức thành trò chơi chọn thẻ “kết quả” đề gắn với thẻ “phép tính” tương ứng.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

***Mục tiêu:*** *Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.*

**Bài 3**

* Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

a) Hai đội chơi kéo co. Bên trái có 5 bạn. Bên phải có 5 bạn. Có tất cả bao nhiêu bạn? Phép tính tương ứng là 5 + 5 = 10.

b) Có 7 bạn đang trồng cây. Thêm 2 bạn cầm bình tưới đi đến. Có tất cả bao nhiêu bạn? Phép tính tương ứng là 7 + 2 = 9.

- GV nên khuyến khích HS suy nghĩ, nói theo cách cúa các em và khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.

\* HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10.

**\* Học sinh nhận nhiệm vụ tự học**

* Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
* về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đon giản để nhận biết về cách tìm kết quả phép cộng có kết quả đen 10 và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi 10,* HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

**LƯU Ý**

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tuỳ thuộc vào trình độ HS mà GV ngắt tiết và tổ chức các hoạt động cho phù hợp. Chẳng hạn, tiết 1 có thể kết thúc sau bài 1.

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết* **: LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Củng cố về bảng cộng và làm tính cộng trong phạm vi 10.
* Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
* Phát triến các NL toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

* Các thẻ phép tính như ở bài 1.
* Một số tình huống đơn giản đẫn tới phép cộng trong phạm vi 10.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

***Mục tiêu:*** *Củng cố kiến thức đã học*

HS chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tể gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Đố bạn” đề ôn tập *Bảng cộng trong phạm vi 10.*

**Hoạt động 2: Thực hành, luyện tập**

***Mục tiêu:*** *Củng cố về bảng cộng và làm tính cộng trong phạm vi 10.*

**Bài 1**

HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (thể hiện trong các thẻ ghi phép tính).

***Lưu ý:*** GV có thể tổ chức cho HS chơi theo cặp hoặc theo nhóm, chuẩn bị sằn các thẻ phép tính, một bạn lấy ra một thẻ phép tính đố bạn khác nêu kết quả phép tính và ngược lại. Hoặc cũng có thể chuẩn bị các thẻ trắng để HS tự viết phép tính rồi đố bạn viết kết quả thích họp.

**Bài 2**

* Cá nhân HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể tính nhẩm hoặc dùng *Bảng cộng trong phạm vi 10 để* tính).
* Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về kết quả của mỗi phép tính. Chia sẻ trước lớp.

***Lưu ý:*** Bài này trọng tâm là tính nhẩm rồi nêu kết quả. GV có thể nêu ra một vài phép tính khác để HS củng cố kĩ năng tỉnh nhẩm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính.

**Bài 3**

* Cá nhân HS quan sát các ngôi nhà và số ghi trên mỗi mái nhà để nhận ra các phép tính trong ngôi nhà có kết quả là số ghi trên mái nhà. HS lựa chọn số thích họp trong mỗi dấu ? của từng phép tính sao cho kết quả mỗi phép tính đó là số ghi trên mái nhà, ví dụ ngôi nhà ghi sô 7 có các phép tính: 5 +2; 4+ 3 ;6+ 1 .
* HS chia sẻ với bạn, đặt câu hỏi cho nhau, cùng tìm thêm các phép tính có thế đặt vào mỗi ngôi nhà.

- GV chốt lại cách làm. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

**Hoạt động 3: Vận dụng**

***Mục tiêu:*** *Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.*

**Bài 4.** Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ cách giải quyết vấn đề nêu lên qua bức tranh. Chia sẻ trong nhóm.

1. Vấn đề đặt ra là: Tìm hai số để khi cộng lại ta được kết quả là 10, nghĩa là: Nếu chọn trước một số thì cần tìm số còn lại sao cho cộng hai số ta được kết quả là 10. Dựa vào *Bảng cộng trong phạm vi 10* đế tìm số còn lại. Ví dụ: Nếu chọn số 9 thì số còn lại là 1; nếu chọn số 5 thì số còn lại phải là 5.

***Lưu ý:*** Đây chính là bài toán giúp HS tập dượt thao tác “tạo thành 10” – một thao tác cơ bản trong thực hiện các phép tính cộng, trừ có nhớ (trong phạm vi 20) mà HS sẽ được học ở lớp 2.

1. Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

*Vỉ dụ:* Trong hộp có 5 chiếc bút màu. Bạn Lan bỏ thêm vào 3 chiếc. Trong hộp có tất cả bao nhiêu chiếc bút màu?

Thực hiện phép cộng 5 + 3 = 8. Có 8 chiếc bút màu.

Vậy phép tính thích hợp là 5 + 3 = 8.

* HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10.

**\* Học sinh nhận nhiệm vụ tự học**

* Bài học hôm nay, các em biết thêm được điều gì?
* Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

**(\*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh**

* Thông qua luyện tập thực hành tính cộng trong phạm vi 10, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.
* Thông qua việc nhận biết các bài toán từ các tranh ảnh minh hoạ hoặc tình huống thực tế và sử dụng các kí hiệu toán học để diền tả bài toán, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL mô hình hoá toán học.

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết* **:**

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết 23***:**

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết 23***:**

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết 23***:**

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết 23***:**

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết 23***:**

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết 23***:**

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết 23***:**

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết 23***:**

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết 23***:**

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 ***Ngày soạn: … /… / 20…***

 ***Ngày dạy: … /… / 20…***

**TOÁN**

*Tiết 23***:**

***Rút kinh nghiệm:*** ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………